

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 16 - 4 - 2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG , TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sùng Thị Mai

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hoàng Văn Độ

2. Bà Nguyễn Thị T

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Minh Khuê - Thư ký TAND thành phố Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông Giàng Chấn Sồ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST-DSTC ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 03 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐ-ST, ngày 03 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Li- Chi nhánh Hà Giang. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức N - Giám đốc Chi nhánh H. Địa chỉ: Tổ 13 phường N, thành phố H, tỉnh H

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Đức N - Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L- Chi nhánh H(*Quyết định v/v uỷ quyền tham gia tố tụng số 245A/2019/QĐ-LPBHG-GĐ ngày 20/02/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Giang*), có mặt.

* Bị đơn: 1/ Bà Phạm Lệ T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn T, thị trấn V , huyện B, tỉnh H, vắng mặt .

Nơi làm việc: Trường mầm non H, huyện B, tỉnh H

2/ Ông Phạm Khánh D, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh H. Nơi công tác: Trường mầm non H, huyện B, tỉnh H, *vắng mặt có lý do*.

* Người có QLNVLQ: Trường mầm non H, Đại diện theo Pháp luật bà An Thị Hồng H – chức vụ: Hiệu trưởng; địa chỉ: xã H, huyện B, tỉnh H(*vắng mặt có lý do*);

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai ngày 13/3/2019 và tại phiên toà, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 31 tháng 3 năm 2017 Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh tỉnh H đã ký Hợp đồng tín dụng số 479/TDH/2017 với bà Phạm Lệ T để cho bà vay số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, người cam kết đồng trách nhiệm trả nợ, lãi suất cho vay là 12%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Thời hạn cho vay là 60 tháng, 59 tháng đầu trả tháng kỳ 4.170.000đ, tháng cuối cùng trả 3.970.000đ vào ngày 25 hàng tháng, theo D nợ gốc giảm dần. Căn cứ vào thoả thuận Hợp đồng và xác nhận của lãnh đạo trường Trường Mầm non H, huyện B nơi bà T đang công tác là giấy uỷ quyền cho cơ quan giữ lại thu nhập để trả nợ; Cam kết đồng trách nhiệm trả nợ có chữ ký và nhất trí của ông Phạm Khánh D ngày 31/3/2017 cùng với các thủ tục vay vốn của bà Phạm Lệ T, ngày 31/3/2017 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Phạm Lệ T vay số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Quá trình thanh toán trả nợ bà Phạm Lệ T đã thanh toán cho Ngân hàng được 11 tháng với số tiền là 45.870.000đ và lãi. Kể từ ngày 26/3/2018 bà T không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng cả tiền gốc, tiền lãi phát sinh và có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Khoản vay đã phát sinh nợ quá hạn, bà Phạm Lệ T và người đồng trách nhiệm là ông Phạm Khánh D đã vi phạm cam kết hợp đồng ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng đã tiến hành làm việc với lãnh đạo trường Mầm Non H nơi bà T công tác được biết bà T đã tự ý bỏ việc và bỏ trốn khỏi nơi cư trú; Ngân hàng cũng đã làm việc với gia đình bà T nhưng gia đình cũng không biết bà T hiện nay đi đâu. Ngân hàng đã nhiều lần tiến hành làm việc trực tiếp cũng như trao đổi qua điện thoại mời ông D đến trụ sở ngân hàng để làm việc và đề nghị ông D thực hiện cam kết đồng trách nhiệm thanh toán khoản vay cho Ngân hàng theo thoả thuận nhưng ông D không hợp tác, không làm việc với cán bộ ngân hàng thậm chí còn chửi bới, lăng mạ cán bộ ngân hàng, không nhất trí đồng trách nhiệm trả nợ cho khoản vay của bà T tại Ngân hàng. Do vi phạm hợp đồng và để phát sinh nợ quá hạn ngân hàng đã có Quyết định thu hồi trước hạn toàn bộ khoản vay của bà Phạm Lệ T có gửi cho bà Phạm Lệ T và ông Phạm Khánh D, ông D cũng không có ý kiến phản hồi.

Tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử 16/4/2021 bà Phạm Lệ T phải trả cho Ngân hàng là 303.308.564,đ(*Ba trăm linh ba triệu ba trăm linh tám nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng*) Trong đó tiền gốc là 204.130.000đ(*Hai trăm linh bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*), Lãi 99.178.564đ(*Chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng*).

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Phạm Lệ T có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ số tiền vay và tiền lãi cho ngân hàng là 303.308.564,đ(*Ba trăm linh ba triệu ba trăm linh tám nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng*), tính đến ngày xét xử. Đối với ông Phạm Khánh D là người ký đồng trách nhiệm trả nợ, nay ông D có yêu cầu không chấp nhận liên đới trả số tiền nợ trên của bà T cho ngân hàng. Do vậy ngân hàng không yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc ông D phải có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ số tiền nợ trên.

* Bị đơn bà Phạm Lệ T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh, đại diện thôn T, thị trấn V, huyện B cung cấp hiện nay bà T đã đi khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa phương, hiện tại hộ khẩu vẫn ở tại thôn T, thị trấn V, huyện B nhưng hiện nay bà T đi đâu, làm gì thôn và xã không nắm được. Khi đi khỏi nơi cư trú bà T không báo cho thôn và xã biết. Đại diện trường Mầm non H, huyện B nơi bà T công tác cũng xác nhận bà T đã tự ý bỏ việc, hiện nay bà T bỏ đi đâu, làm gì nhà trường không nắm được.

* Theo bản tự khai và Biên bản lấy lời khai người đồng trách nhiệm ông Phạm Khánh D trình bày: Ông và bà Phạm Lệ T là đồng nghiệp cùng công tác tại trường Mầm non H, ông là bảo vệ nhà trường từ năm 1986, còn bà T là kế toán. Ông không biết việc bà T vay tiền ngân hàng từ khi nào, vay làm gì. Ông làm bảo vệ ở trường việc mua bán, sửa chữa, xây dựng, chuyển hàng hoá của phòng giáo dục huyện B cấp cho nhà trường ông là người thực hiện mua bán và lấy văn phòng phẩm cho trường, bà T thường xuyên đưa cho ông các loại chứng từ để ký thanh toán. Khi ký các giấy tờ ông D không kiểm tra kỹ các giấy tờ, chứng từ liên quan. Bản thân ông có đưa chứng minh nhân dân cho bà T để nhập và điều chỉnh thông tin cá nhân trên phần mềm quản lý nhà trường. Ông và bà T không phải anh em họ hàng và không có quan hệ gì khác ngoài công việc nhà trường. Bản thân ông chưa đến ngân hàng để ký các giấy tờ liên quan đến việc vay tiền của bà T. Ông không nhất trí với đơn khởi kiện của ngân hàng về việc buộc ông phải có trách nhiệm cùng bà T trả nợ cho ngân hàng, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Theo các biên bản xác minh ngày 18/3/2019 và ngày 16/8/2019 đại diện lãnh đạo trường Mầm non H cung cấp: Ngày 31/3/2017 bà T có đề nghị lãnh đạo ký xác nhận mức lương và cam kết nhận uỷ quyền giữ lại lương và thu nhập của bà T trả nợ ngân hàng. Ngày 20/11/2017 bà T có đơn xin nghỉ việc để đi chữa bệnh, hết thời gian nghỉ theo đơn bà T không đi làm và nhà trường cũng không liên lạc được với bà T, do đó nhà trường đã báo cáo phòng Giáo dục và phòng Nội vụ huyện Bắc Quang. Do bà T tự ý nghỉ việc quá thời gian quy định nên ngày 13/02/2018 UBND huyện Bắc Quang đã có Quyết định số 357/QĐ-UBND v/v kỷ luật viên chức đối với bà T bằng hình thức buộc thôi việc. Về phía nhà trường khi có quyết định buộc thôi việc bà T, nhà trường đã thông báo cho ngân hàng được biết để có hướng xử lý, bà T không có chế độ gì được thanh toán nên nhà trường không thu hồi được nợ cho ngân hàng và không biết bà T có tài sản gì khác. Việc ông Phạm Khánh D có ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ cho khoản vay của bà T nhà trường không biết vì đây là quan hệ cá nhân, việc hai bên có thoả thuận gì hay không nhà trường cũng nắm được, ông D và bà T là quan hệ đồng nghiệp, không phải anh em ruột. Nay ngân hàng khởi kiện bà T và ông D phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ, nhà trường không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo đảm được quyền lợi của các bên.

* Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Hà Giang:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 280; 282; 357; 463; 466 của BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bà Phạm Lệ T có trách nhiệm thanh toán trả số tiền còn nợ gốc là 204.130.000,đ; Lãi 99.178.564đ. Ngoài ra bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi bà T trả hết số tiền nợ theo hợp đồng đã ký kết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Bưu điện L- Chi nhánh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh H, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Phạm Lệ T, ông Phạm Khánh D. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Bị đơn bà Phạm Lệ T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng, tại trường và nơi bị bà T cư trú theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà T. Ông Phạm Khánh D là người ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ cho khoản vay của bà Phạm Lệ T, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T, do đó xác định ông Phạm Khánh D không phải là đồng bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Giang đồng ý cho bà Phạm Lệ T vay số tiền 250.000.000,đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, bà T cam kết trả bằng tiền lương thu nhập hàng tháng, nhưng không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, xác định đây là tranh chấp Hợp đồng Tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[3] Về nội dung: Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 479/TDH/2017 với bà Phạm Lệ T để cho bà T vay số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm; Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng là 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả mỗi kỳ 4.170.000đ, kỳ cuối cùng trả 3.970.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ và thực hiện nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi nợ nhưng bà T đã tự ý nghỉ việc dẫn đến việc chậm quá hạn trả nợ cho ngân hàng như đã thỏa thuận theo hợp đồng đã cam kết. Tính đến thời điểm xét xử ngày 16/4/2021 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 303.308.564,đ(*Ba trăm linh ba triệu ba trăm linh tám nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng*) Trong đó tiền gốc là 204.130.000đ(*Hai trăm linh bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*), Lãi 99.178.564đ(*Chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng*). Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Lệ T có trách nhiệm trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi nêu trên là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận tại Điều 7, mục 7.1; Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 479/TDH/2017 ngày 31/3/2017.

[4] Về nghĩa vụ của người đồng trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc buộc ông Phạm khánh D phải có trách nhiệm trả số tiền nợ của bà T. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết của người đồng trách nhiệm trả nợ.

[5] Bà Phạm Lệ T cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình. Do đó không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh H phải chịu toàn bộ lệ phí đăng thông báo nhắc tin trên phương tiện thông tin đại chúng (*Đã thi hành xong*).

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Phạm Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 138; Điều 140; Các Điều 280; 357; 463; 466 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 180; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016*).

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện L- Chi nhánh tỉnh H về việc yêu cầu bà Phạm Lệ T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 479/TDH/2017 ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Xử: Buộc bà Phạm Lệ T có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L- Chi nhánh tỉnh H, tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/4/2021 là 303.308.564,đ (*Ba trăm linh ba triệu ba trăm linh tám nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng*) Trong đó tiền gốc là 204.130.000đ (*Hai trăm linh bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*), Lãi 99.178.564đ (*Chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày 16/4/2021 bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc là 204.130.000đ (Hai trăm linh bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí: Bà Phạm Lệ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.165.000đ (*Mười lăm triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn sáu đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L- Chi nhánh H số tiền tạm ứng án phí 5.811.000đ (*Năm triệu tám trăm mười một nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang theo biên lai số 001129 ngày 11/3/2019 (*do ông Nguyễn Trung Thành nộp thay*).

Trả lại cho Phạm Khánh D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số 01388 ngày 04/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP Bưu điện L- Chi nhánh H phải chịu toàn bộ lệ phí đăng thông báo nhắc tin trên phương tiện thông tin đại chúng (*Đã thi hành xong*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Phạm Lệ T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án; ông Phạm Khánh D và Người có QLNVLQ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND TP. Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Hà Giang;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Sùng Thị Mai